

Bản án số: 32/2025/DS-PT

Ngày: 13 - 01 - 2025

V/v tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng
đất, Chấm dứt hành vi cản trở quyền sử
dụng đất và di dời tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất, Chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và di dời tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 407/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: A V, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Trần H, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: số D ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Trương Văn S, sinh năm 1968.

Địa chỉ: V, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị H1, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Trương Thị H2, sinh năm 1952. (Vắng mặt)

3.2. Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

3.3. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A V, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 4 đường số I, khu phố A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: H đường L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Bà Bùi Thị Mộng T1, sinh năm 1969.

Đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị H1, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Anh Trương Tấn V, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

3.8. Chị Trương Thị Quỳnh G, sinh năm 2002. (Vắng mặt)

3.9. Anh Đinh Thanh D, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

3.10. Ông Trương Văn C, sinh năm 1953. (Vắng mặt)

3.11. Bà Trương Thị T2, sinh năm 1962.

Đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị H1, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.12. Ông Trương Văn N1, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

3.13. Bà Trương Thị A, sinh năm 1951. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: V, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang..

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trương Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Mộng T1, Trương Thị Tuyết .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Duy T và đại diện ủy quyền của ông T là chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Hiện ông T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.176m², loại đất lúa, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) huyện G cấp ngày 14/02/2003.

Nguồn gốc đất do vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Ổ vào năm 1992, có con trai bà Ổ là anh Lưu Văn B1 đại diện thỏa thuận và viết giấy tay đồng ý bán đất. Khi ông T mua đất có cán bộ nông nghiệp của xã đến đo đạc đất và có mặt ông M1, bà Ổ xác định ranh nhưng khi đó hộ bà R không có mặt tại địa phương nên không có mặt xác định ranh; tuy nhiên, khi đó bên

phía đất của hộ bà R là đất bờ kênh cao hơn nhiều so với mặt ruộng của phần đất mà bà O bán cho ông T. Đến năm 1997, hộ ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thuộc thửa số 1125, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.970m², loại đất lúa. Đến năm 2003, thửa đất số 1125 của hộ ông T được cấp đổi thành thửa số 252 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 như nêu trên.

Quá trình sử dụng đất, giữa ông T và hộ bà R không xảy ra tranh chấp ranh giới. Do thửa 252 là đất ruộng nên hộ ông T sử dụng để trồng lúa và có sử dụng phần đất tranh chấp để làm sòng bơm xả nước ra kênh S. Bên phía đất hộ bà R là đất bờ kênh cao có trồng một số cây tạp; thời gian sau, hộ bà R có thuê kôbe cạp đất đi nên hiện trạng đất thấp như hiện nay và hộ bà R sử dụng để trồng dừa, sau khi bà R chết thì con trai bà R là ông S quản lý, sử dụng cho đến nay.

Tháng 9/2022, ông S có hành vi chửi bới và ngăn cản không cho ông T sử dụng phần đất có diện tích 8,5m² là hình tứ giác, có các cạnh gồm: dài 4,4m và 5,8m; rộng 2,2m và 2,5m; có vị trí:

- Đông giáp đất hộ bà Trương Thị R.
- Tây giáp kênh.
- Nam giáp đất của hộ Nguyễn Duy T.
- Bắc giáp kênh.

Đây là phần đất trước nay do ông T sử dụng làm sòng bơm nước; ông S đã lấn chiếm để sử dụng chứa những tàu dừa và ngăn không cho ông T bơm nước hay cấy lúa trên phần đất này nên hai bên phát sinh tranh chấp. Ông T gửi đơn đến UBND thị trấn T yêu cầu giải quyết tranh chấp ranh giới đất hai bên. Trước khi hòa giải, cán bộ địa chính của UBND thị trấn T có đến đất kiểm tra lại ranh giới đất hai bên và có mặt vợ chồng ông S cùng ông T chứng kiến. Khi hòa giải, ông S không tham gia mà có con gái của bà R là bà T2 tham gia. Kết quả hòa giải không thành do bà T2 không đồng ý trả đất lại cho ông T nên ông T khởi kiện.

Nay ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông S hoàn trả lại phần đất đã lấn chiếm với diện tích 8,5m² thuộc thửa số 252 nêu trên.
2. Buộc ông S chấm dứt hành vi gây rối, cản trở ông T thực hiện quyền sử dụng và quản lý phần đất với diện tích 8,5m² nêu trên.
3. Buộc ông S di dời và dọn dẹp sạch sẽ tất cả tàu dừa ra khỏi phần đất lấn chiếm có diện tích 8,5m² nêu trên.

Đồng thời, buộc ông Sáu H3 lại cho ông T toàn bộ chi phí tố tụng và chi phí đo đạc mà ông T đã thanh toán. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trương Văn S không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các thành viên hộ ông Nguyễn Duy T gồm: bà Trương Thị H2, chị Nguyễn Thị Hồng M, anh Nguyễn Duy K và chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra, không ai có yêu cầu gì khác. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công B không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: bà Bùi Thị Mộng T1, anh Trương Tấn V, chị Trương Thị Quỳnh G, anh Đinh Thanh D, ông Trương Văn C, bà Trương Thị T2, ông Trương Văn N1 và bà Trương Thị A không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Các Điều 170 và 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166, 169, 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T. Buộc ông Trương Văn S có nghĩa vụ trả lại hộ ông Nguyễn Duy T quyền sử dụng phần đất đã lấn chiếm có diện tích 8,5 m² thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do UBND huyện G cấp ngày 14/02/2003 cho hộ Nguyễn Duy T.

Phần đất có vị trí:

- + Đông giáp đất Trương Văn S.
- + Tây giáp nương công cộng.
- + Bắc giáp nương công cộng.
- + Nam giáp đất Nguyễn Duy T.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Buộc ông Trương Văn S chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Duy T đối với phần đất có diện tích 8,5m² thuộc thửa số 252 nêu trên.

- Buộc ông Trương Văn S có nghĩa vụ tự di dời tất cả tài sản trên đất để trả lại hộ ông Nguyễn Duy Thành P đất có diện tích 8,5m² thuộc thửa số 252 nêu trên.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trương Văn S có nghĩa vụ hoàn lại ông Nguyễn Duy T số tiền 8.320.357 đồng (Tám triệu ba trăm hai mươi nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 28 tháng 6 năm 2024, bị đơn ông Trương Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Mộng T1, Trương Thị T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn ông Trương Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Mộng T1, Trương Thị Tuyết giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Công văn số 182/CATT ngày 11/12/2024 của Công an thị trấn T, huyện G cung cấp thông tin: Từ năm 1997 cho đến nay bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1 không đăng ký hộ khẩu thường trú và không thực tế đang cư trú trên địa bàn thị trấn T, do đó án sơ thẩm tống đạt các thủ tục tố tụng cho bà A, ông C, ông N1 tại địa chỉ trên là không đúng. Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T với bị đơn ông Trương Văn S là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và di dời tài sản cần được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 166 và Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định

Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Mộng T1, Trương Thị Tuyết đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Duy T khởi kiện trình bày diện tích đất hiện đang 8,5 m² thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.176m² loại đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do UBND huyện G cấp ngày 14/02/2003.

Bị đơn ông Trương Văn S trình bày diện tích đất hiện đang 8,5 m² thuộc thửa đất số 1126, diện tích 670m², tờ bản đồ số 02, loại đất màu, do bà Trương Thị R đại diện hộ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00097 được UBND huyện G cấp ngày 21/5/1997 và hiện do ông Trương Văn S là con trai bà R đang quản lý, sử dụng sau khi bà R chết vào năm 2013.

Cấp sơ thẩm khi giải quyết đưa hàng thừa kế của bà Trương Thị R gồm: Trương Thị A, Trương Thị T2, Trương Văn C, Trương Văn N1, Trương Văn S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Trương Văn S, bà Trương Thị T2 trình bày hiện nay bà Trương Thị A đang sống ở nước ngoài, ông Trương Văn N1 và Trương Văn C sống ở Vũng Tàu, chứ không phải ở khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tại công văn số 182/CATT ngày 11/12/2024 về việc cung cấp thông tin về cư trú của công dân:

1. Về thông tin cư trú của ông Trương Văn C, sinh năm 1953, ông Trương Văn N1, sinh năm 1966 và bà Trương Thị A, sinh năm 1951:

Theo hồ sơ lưu tại Tàng thư Công an huyện G (hộ số 28702000303) thể hiện thông tin như sau:

- Ông Trương Văn N1, sinh năm 1966 trước đây có đăng ký thường trú tại hộ số B khu phố H, thị trấn T. Đến ngày 13/9/1985 đã xóa hộ khẩu thường trú do bỏ địa phương quá 6 tháng.

- Bà Trương Thị A, sinh năm 1951 và ông Trương Văn C, sinh năm 1953, qua tra cứu hồ sơ Tàng thư Công an huyện G không thể hiện thông tin có đăng ký hộ khẩu thường trú tại H, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang từ trước đến nay.

2. Từ năm 1997 đến hiện nay cả 03 nhân nhân khẩu trên không đăng ký hộ khẩu thường trú và không thực tế đang cư trú trên địa bàn thị trấn T. (kèm theo biên bản xác minh).

Thực tế từ năm 1997 cho đến nay bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1 không sinh sống, không đăng ký hộ khẩu thường trú và không thực tế đang cư trú trên địa bàn thị trấn T.

Trong suốt quá trình giải quyết cấp sơ thẩm bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1 vắng mặt.

Biên bản tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/3/2024 tổng đạt cho bà Trương Thị Tuyết N2, bà T2 không có cùng hộ khẩu với bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1. Do đó việc giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà T2 nhận thay không đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định tạm đình chỉ số 81/2023/QĐST-DS ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện G không được tổng đạt cho bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1.

Tất cả thủ tục tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1 thực hiện thủ tục niêm yết công khai, do không có người nhận. Việc niêm yết thực hiện địa chỉ khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nhưng bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1 hoàn toàn không có cư trú, không đăng ký cư trú tại địa chỉ trên. Do đó việc niêm yết không đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án tổng đạt cho bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1 do bà T2 nhận thay không đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự

Thủ tục tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng đến cho bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1 không đúng theo quy định tại chương X của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó bà Trương Thị A, ông Trương Văn C, Trương Văn N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không biết và không nhận được tất cả các văn bản tố tụng đối với vụ án thụ lý số 145/2023/TLST-DS ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện G, do đó không có mặt để tham gia trong quá trình tố tụng vụ án, dẫn đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình không được thực hiện.

Những vi phạm trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 120/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Do hủy án nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Mộng T1, Trương Thị Tuyết .

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: án phí dân sự phúc thẩm bị đơn ông Trương Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Mộng T1, Trương Thị Tuyết .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1/ Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 120/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí: ông Trương Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Mộng T1, Trương Thị T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H3 lại ông Trương Văn S 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013507 ngày 01/7/2024, bà Bùi Thị Mộng T3 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013508 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền